

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 213, Điều 361, Điều 370, Điều 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 535/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Trần Thanh N**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp BT, xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp TH, xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa anh Trần Thanh N và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TH, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh N, chị H sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được anh chị thống nhất nêu ra là do tính tình không hòa hợp nên thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn về nhiều mặt, do không thể chung sống nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Anh N, chị H đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên nay hai bên thống nhất thuận tình ly hôn, mặc dù đã được Tòa án hòa giải hàn gắn nhưng anh chị vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Hữu N1, sinh ngày 07-4-2005, hiện do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng, anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn

anh N sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận của anh N, chị H là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu N1 nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Thanh N và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận để hai bên tự phân chia tài sản chung; không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề khác nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh Trần Thanh N và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận lệ phí do chị H tự nguyện chịu là 300.000 đồng nên được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Thanh N và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Trần Thanh N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hữu N1, sinh ngày 07-4-2005 sau khi ly hôn, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con (do anh N chưa yêu cầu). Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung; về các vấn đề khác: Anh Trần Thanh N và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến, nếu có phát sinh sẽ được giải quyết bằng một vụ việc khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16153 ngày 04-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên được trừ vào lệ phí, xem như chị H đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- UBND xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Thực